

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi đại diện Ủy ban Kinh tế cho rằng thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản đang có nhiều rủi ro, không bền vững, thiếu ổn định

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm trước lo ngại về rủi ro và tính ổn định của thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản

[Thông tin doanh nghiệp]

VCG, FRT

[Cập nhật công ty]

THG

[Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị hạ tỷ trọng các vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại nếu về vùng hỗ trợ đã đề cập đối với các cổ phiếu mục tiêu.

23/05/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,218.81	-1.77
VN30	1,255.35	-2.12
HĐTL VN30F1M	1,253.10	-1.86
HNXIndex	300.66	-2.07
HNX30	530.90	-2.72
UPCoM	93.63	-0.51
USD/VND	23,166	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.14	-0
Lãi suất qua đêm (%)	1.38	-13
Dầu (WTI, \$)	110.52	-2.39
Vàng (LME, \$)	1,860.61	+0.76



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,218.81 (-1.77%)
KLGD (triệu CP) 557.4 (+28.5%)
GTGD (triệu US\$) 575.5 (+7.0%)

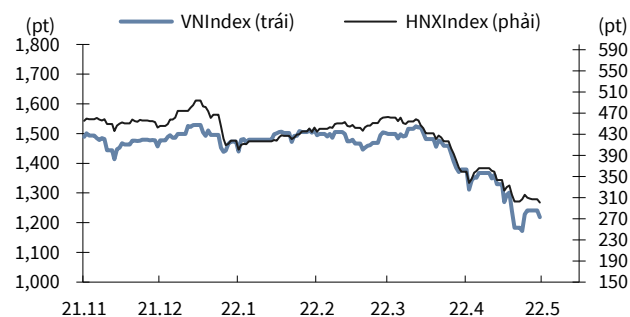
HNXIndex 300.66 (-2.07%)
KLGD (triệu CP) 75.2 (+1.7%)
GTGD (triệu US\$) 70.8 (+7.8%)

UPCoM 93.63 (-0.51%)
KLGD (triệu CP) 44.5 (-25.1%)
GTGD (triệu US\$) 27.9 (-7.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -15.5

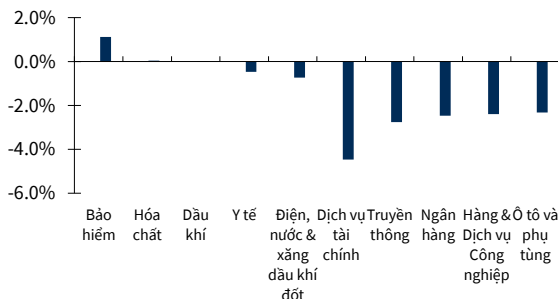
TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi đại diện Ủy ban Kinh tế cho rằng thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản đang có nhiều rủi ro, không bền vững, thiếu ổn định. Ngân hàng nhà nước cho biết mặc dù tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD vẫn đang được kiểm soát dưới mức 2%, tuy nhiên những khó khăn của nền kinh tế cũng như của doanh nghiệp, người dân có thể sẽ bộc lộ rõ nét hơn trong thời gian tới khiến tỷ lệ nợ xấu nội bảng dự báo sẽ tiếp tục tăng tác động tiêu cực đến cổ phiếu ngân hàng ở VPB (-4.2%), CTG (-3.5%), BID (-3.3%). Cổ phiếu nhóm thủy sản tăng giá, trái ngược diễn biến thị trường chung với ASM (+3.7%), VHC (+1.6%) trước thông tin VASEP dự báo, sự mất cân đối nguồn cung cá tra sẽ còn tiếp tục cho tới hết quý III và hiện tại giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL vẫn duy trì ở mức cao và Anh sẽ áp thuế 35% đối với cá thịt trắng Nga trong tháng 6/2022. Khối ngoại bán ròng ở SSI (-6.9%), VIC (-0.5%), VNM (-2.6%).

VNIndex & HNXIndex



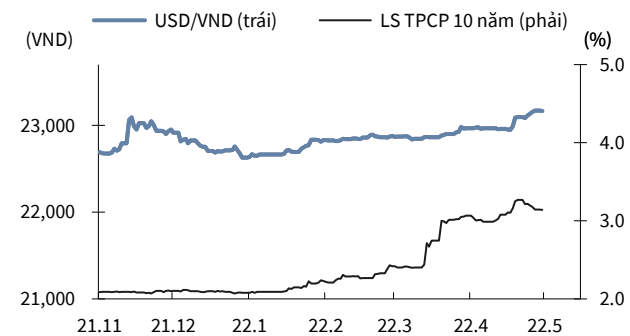
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



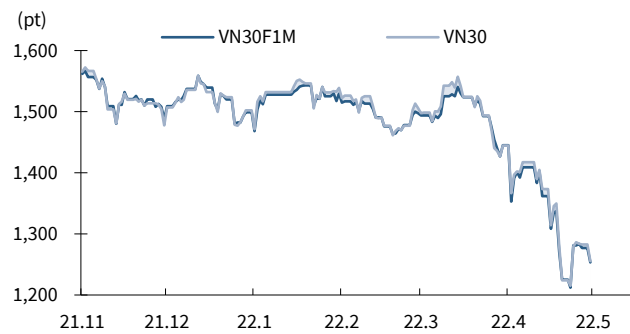
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,255.35 (-2.12%)
VN30F1M	1,253.1 (-1.86%)
Mở cửa	1,289.0
Cao nhất	1,289.0
Thấp nhất	1,238.1
KLGD (HĐ)	328,230 (+3.3%)

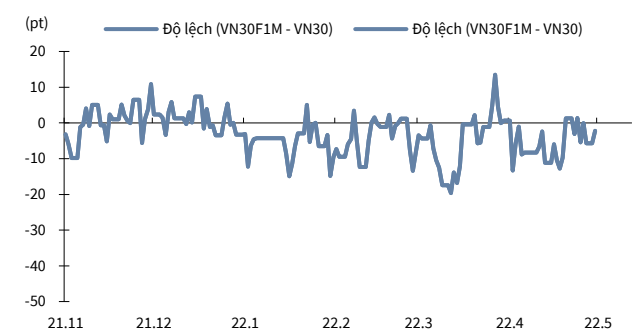
HĐTL giảm điểm trước lo ngại về rủi ro và tính ổn định của thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản. Chênh lệch F2206 và chỉ số VN30 biến động giằng co trong khoảng -9.1 đến 4.99 điểm, trong đó giảm mạnh nhất từ giữa phiên chiều khi VN30 gặp áp lực bán gia tăng và đóng cửa tại mức -2.25 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30



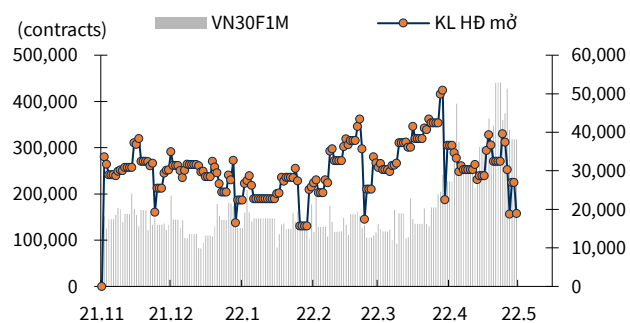
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



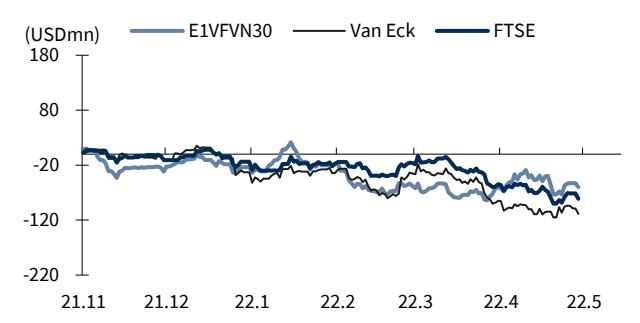
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

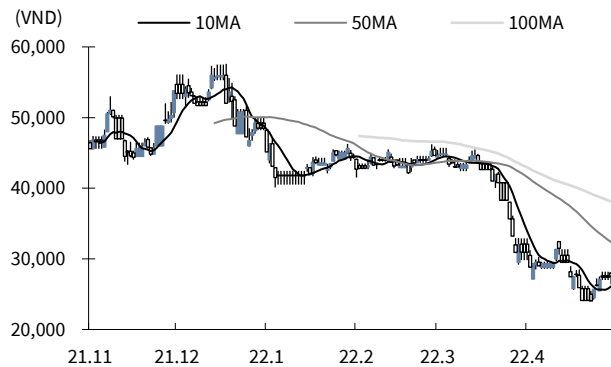
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG)

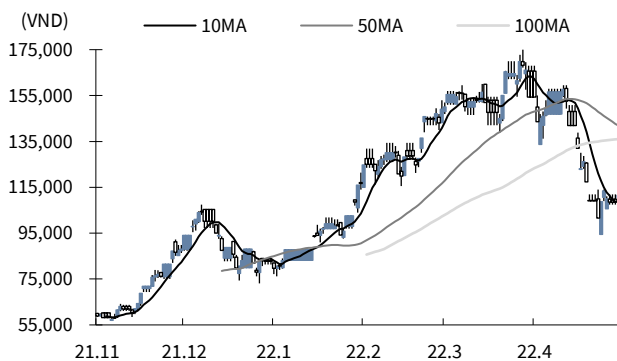


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCG tăng 0.36% lên 27,500 VND/cp

- Vinaconex thông qua phát hành thêm hơn 44.1 triệu cổ phiếu trả nốt cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 10%, nguồn vốn thực hiện từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021, thời gian thực hiện dự kiến trong quý III năm nay. Theo đó, tổng giá trị phát hành là 441 tỷ đồng, qua đó nâng vốn điều lệ công ty lên 4,858 tỷ đồng. Năm 2022, Vinaconex lên kế hoạch lợi nhuận 1,400 tỷ đồng, gấp 3 lần thực hiện 2021 và doanh thu 15,300 tỷ đồng, gấp 2.5 lần cùng kỳ.

CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FRT tăng 2.76% lên 111,500 VND/cp

- FPT Retail công bố ngày 8/6 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông trả cổ tức tiền mặt và cổ phiếu năm 2021 tổng tỷ lệ 55%. Cụ thể, công ty sẽ thanh toán cổ tức tiền mặt tỷ lệ 5% và cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 50% thông qua phát hành 39.4 triệu cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ sẽ tăng lên hơn 1,184 tỷ đồng.

CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (THG)

Hoạt động kinh doanh ổn định

23/05/2022

Chuyên viên phân tích: Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh Q1/2022 được hỗ trợ từ ghi nhận doanh thu BĐS

Q1/2022 THG ghi nhận lợi nhuận đạt 31.5 tỷ đồng (-11.9% YoY) và doanh thu 351.0 tỷ đồng (-5% YoY). Trong kỳ, doanh nghiệp cho thuê thêm 1.3ha KCN Gia Thuận 1 với giá cho thuê 94 USD/m2 và 1 phần dự án Nguyễn Trãi, Nguyễn Trọng Dân.

Tiếp tục xúc tiến dự án KCN GT1, KDC Nguyễn Trọng Dân và dự kiến hoàn thiện GPMB dự án D7 đến cuối năm 2022 và khởi công đầu năm 2023

Dự án Nguyễn Trọng Dân hiện đang mở bán đợt 2 16 căn với giá bán trung bình 4.7 tỷ đồng, KCN Gia Thuận 1 hiện đang xúc tiến đàm phán phần diện tích cho thuê còn lại. Công ty sẽ tiến hành GPMB dự án D7 (TMĐT 300 tỷ đồng với diện tích 6.2ha) và có thể xây dựng từ đầu năm 2023. Hiện công ty cũng đã chuẩn bị hồ sơ để đấu thầu dự án Nguyễn Công Bình kéo dài và dự án Long Ưông trong 2H2022.

Trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 5%, cổ phiếu tỷ lệ 25% và phát hành thêm 10% với giá 27,000 VND/cp

THG thông qua nghị quyết phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 25%, và trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 5% theo đó năm 2021 doanh nghiệp trả cổ tức 50% và dự kiến phát hành thêm 10% với giá 27,000 VND/cp để tài trợ GPMB các dự án sắp triển khai.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 106,600 VND/cp

Chúng tôi hạ dự phóng KQKD năm 2022 với lợi nhuận đạt 185.6 tỷ đồng (+42.9% YoY) và doanh thu 1,740.4 tỷ đồng (+32.5% YoY). khuyến nghị MUA cho cổ phiếu THG với mức giá mục tiêu cho giai đoạn 1 năm là 106,600 VND/ cổ phiếu, tương ứng mức sinh lời 38.1% so với giá đóng cửa ngày 20/5/2022.

MUA duy trì

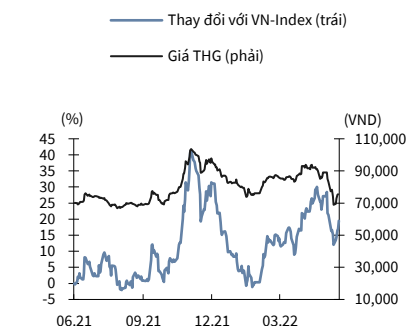
Giá mục tiêu	VND 106,600
Tăng/giảm (%)	38.1%
Giá hiện tại (20/05/2022)	VND 77,200
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ)	1,233

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	66.4%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	2.8/0.1
Sở hữu nước ngoài (%)	1.29%
Cổ đông lớn nhất	Nguyễn Thị Hường 6.02%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-17	-11	-19	9
Tương đối	-5	7	-3	13

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021A	2022F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	1,295	1,782	1,319	1,740
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (tỷ VNĐ)	145	209	171	240
Lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ (tỷ VNĐ)	107	168	128	186
EPS (VNĐ)	7,595	11,374	7,922	11,620
Tăng trưởng EPS (%)	33.2	49.4	-30.2	46.7
P/E (x)	9.6	6.7	9.6	6.6
P/B (x)	2.6	2.3	2.3	1.9
ROE (%)	26.7	34.0	24.1	28.1
Tỷ suất cổ tức, phổ thông (%)	16.9	4.6	6.3	6.0

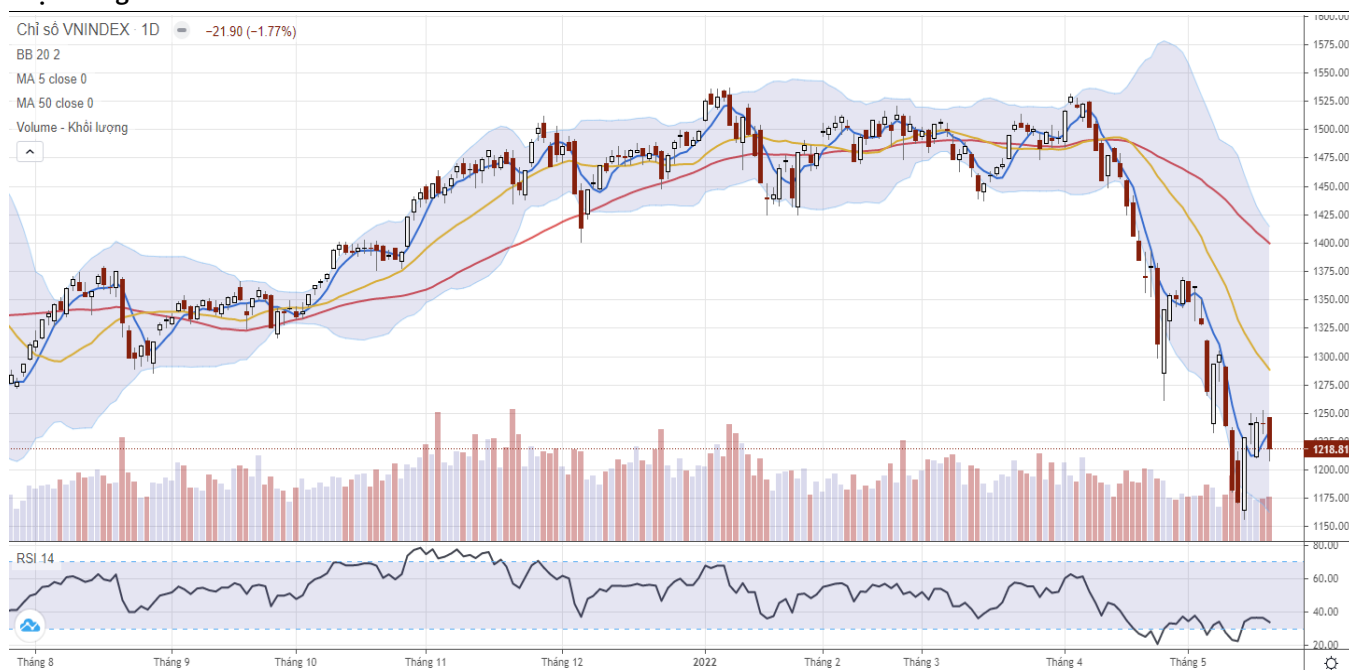


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

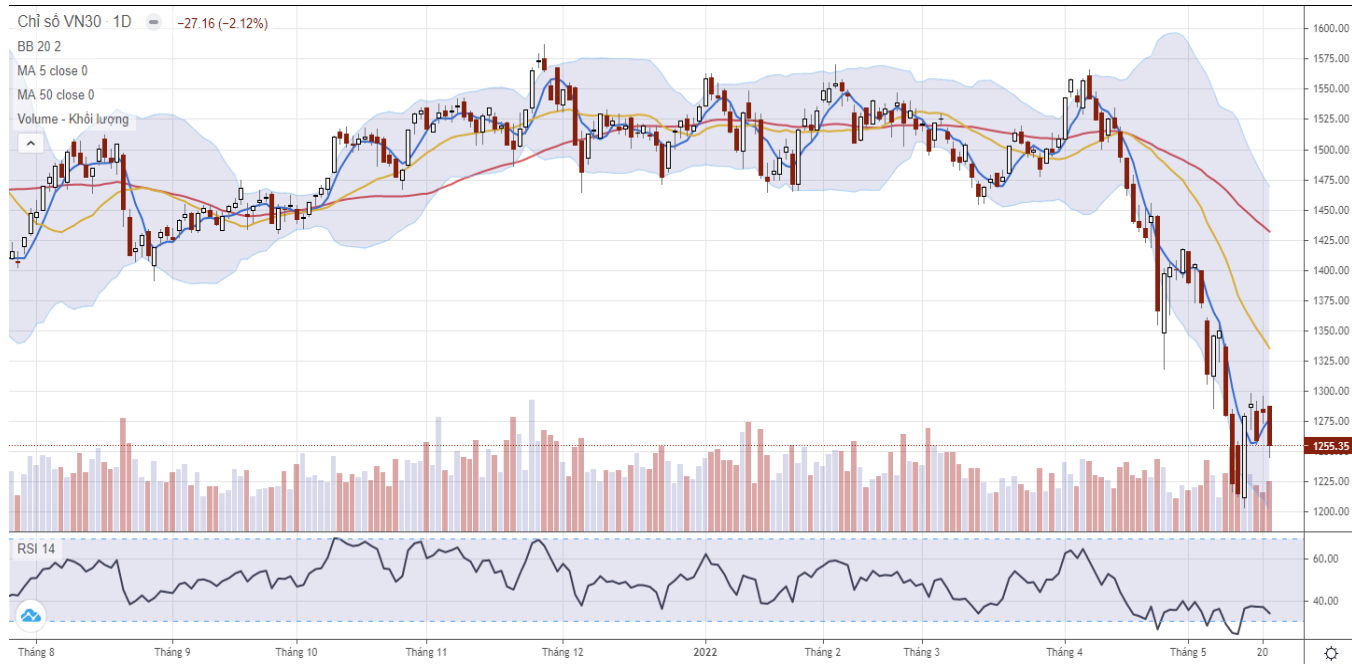
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



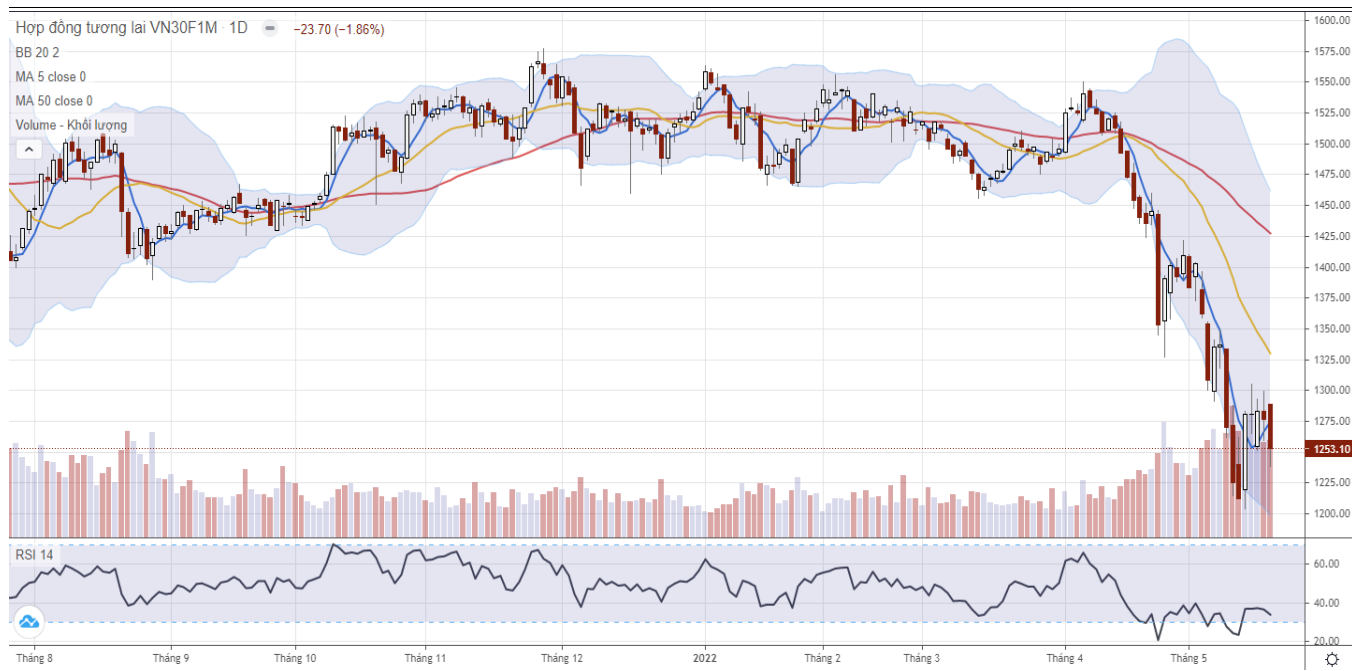
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Với việc đánh mất vùng hỗ trợ gần quanh 1230, tương ứng với MA5, trạng thái của thị trường đang trở nên kém tích cực hơn. Áp lực bán gia tăng trong các nhịp sụt giảm để ngỏ rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong những phiên tới và chỉ số có thể quay xuống kiểm định lại vùng hỗ trợ sâu quanh 1190 (+5). Đây là điểm đỡ then chốt cần được giữ vững nhằm tránh rủi ro phá đáy ngắn hạn.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị hạ tỷ trọng các vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại nếu về vùng hỗ trợ đã đề cập đối với các cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1304 - 1307

Kháng cự gần: 1376 - 1381

Hỗ trợ gần: 1237 - 1241

Hỗ trợ xa: 1225 - 1230

- F1 trải qua một nhịp giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Với việc đánh mất vùng hỗ trợ gần quanh 1260, tương ứng với MA5, trạng thái của F1 đang trở nên kém tích cực hơn. Áp lực bán gia tăng trong các nhịp sụt giảm để ngỏ rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong những phiên tới và chỉ số có thể quay xuống kiểm định lại vùng hỗ trợ sâu quanh 1230 (+5). Đây là điểm đỡ then chốt cần được giữ vững nhằm tránh rủi ro phá đáy ngắn hạn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các nhịp điều chỉnh về hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế Long tại các vùng hỗ trợ, chỉ STOP nếu đánh mất vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

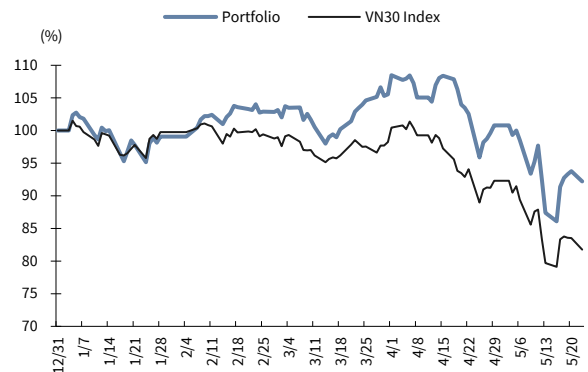
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.12%	-1.70%
Tăng lũy kế (YTD)	-18.26%	-7.80%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/05/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	130,800	-2.4%	69.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	55,000	-0.9%	-8.8%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	104,500	-1.4%	36.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	173,500	-0.9%	-9.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	73,500	-3.5%	148.6%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	96,500	-1.0%	231.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,000	-3.5%	32.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	103,500	-1.0%	41.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	36,750	-2.4%	153.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	41,000	0.0%	199.3%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-2.8%	97.4%	82.6
DCM	2.2%	8.2%	51.2
DPM	-0.9%	13.5%	44.7
BCG	0.0%	2.5%	22.0
HDB	-0.6%	16.3%	20.8
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SSI	-6.9%	36.8%	-165.8
VIC	-0.5%	12.6%	-89.2
VNM	-2.6%	54.5%	-41.6
HPG	-2.4%	21.6%	-53.5
VHM	-0.2%	23.3%	-49.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-4.5%	1.3%	2.1
BAX	-1.2%	15.7%	1.7
PVI	0.2%	58.2%	1.0
NVB	-1.5%	7.9%	0.8
TA9	0.0%	13.5%	0.3
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
THD	0.5%	1.5%	-3.3
PVS	1.5%	9.1%	-1.7
NTP	-2.0%	17.9%	-1.1
SHS	-7.5%	6.8%	-0.9
BVS	-6.9%	9.0%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	12.2%	GVR, DGC
Xây dựng và Vật Liệu	8.2%	VGC, VCG
Bán lẻ	7.5%	MWG, DGW
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.1%	GAS, POW
Bảo hiểm	5.9%	PVD, PLX
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.3%	YEG, PNC
Du lịch và Giải trí	-0.3%	HVN, VJC
Y tế	1.6%	TRA, DCL
Tài nguyên Cơ bản	2.3%	VPG, DHC
Bất động sản	2.4%	PDR, TIX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.2%	POW, VSH
Truyền thông	-1.4%	YEG, PNC
Bất động sản	-1.7%	VHM, VIC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.3%	REE, GMD
Y tế	-5.5%	TRA, APC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-14.3%	VND, SSI
Bảo hiểm	-11.3%	BVH, BIC
Bán lẻ	-11.0%	MWG, FRT
Tài nguyên Cơ bản	-10.9%	HPG, HSG
Hóa chất	-10.1%	VFG, TRC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtrệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	183,258 (8.0)	22.5	123.4	38.0	14.7	2.5	7.3	2.9	2.7	-0.5	0.5	-0.4	-18.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	324,066 (14.1)	26.6	8.4	7.0	35.9	23.7	22.9	1.9	1.5	-0.1	1.4	3.1	-18.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	126,579 (5.5)	17.8	25.6	16.9	-7.6	7.8	11.1	1.9	1.8	0.0	4.2	-	-9.1
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	236,983 (10.3)	31.3	25.8	17.2	6.7	15.6	18.8	3.6	2.9	-1.8	1.9	-5.7	-16.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	48,961 (2.1)	11.6	19.2	15.4	13.7	13.3	14.0	2.2	1.9	-1.2	4.1	-	-19.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	246,492 (10.7)	13.9	11.4	12.3	-	15.1	12.4	1.2	1.5	-6.1	1.2	-	-27.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	96,079 (4.2)	6.3	13.5	11.1	11.7	21.1	21.7	2.6	2.1	-1.2	0.3	-9.5	-5.6
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	53,758 (2.3)	12.7	12.8	8.9	-5.3	16.5	19.2	1.8	1.4	-3.3	3.6	-	-10.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	315,250 (13.7)	0.0	5.7	4.7	14.3	21.0	20.3	1.1	0.9	-2.4	6.9	-	-30.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	135,888 (5.9)	1.4	6.1	5.1	50.3	20.3	20.9	1.1	0.9	-3.5	1.8	-	-26.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	480,475 (20.9)	0.0	6.7	6.4	18.8	21.4	17.6	1.3	1.1	-4.2	1.0	-	-18.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	255,405 (11.1)	0.0	6.6	5.2	14.6	24.1	23.4	1.3	1.1	-2.6	6.9	-	-9.0
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	68,245 (3.0)	4.2	6.6	5.6	23.3	22.7	21.8	1.3	1.1	-0.6	7.6	-3.8	-21.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	424,021 (18.4)	14.0	8.8	5.2	26.5	13.9	17.8	1.0	0.8	-5.8	6.8	-	-35.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	104,142 (4.5)	0.0	7.3	5.9	37.4	22.4	22.5	1.5	1.2	-4.5	-3.2	-	-26.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	5,569 (0.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.2	-0.8	-3.0	-8.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	112,462 (4.9)	21.0	17.1	14.7	15.8	10.2	11.1	1.7	1.5	1.2	6.1	-	-9.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	15,808 (0.7)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-1.0	9.9	-	-30.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	439,543 (19.1)	55.4	9.6	-	-3.2	22.5	-	-	-	-6.9	-2.9	-	-48.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	120,934 (5.2)	71.9	7.8	-	-4.0	27.1	-	-	-	-4.9	13.7	-	-51.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	91,205 (4.0)	52.4	7.7	-	-19.0	19.5	-	-	-	-6.9	1.7	-	-52.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	288,285 (12.5)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-5.3	2.9	-	-30.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	160,484 (7.0)	42.1	14.8	13.4	4.0	28.8	31.1	4.0	3.7	-2.6	0.8	-	-23.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	27,968 (1.2)	36.9	23.1	19.1	7.3	19.3	21.5	4.2	3.8	-1.5	-2.3	-9.5	2.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	126,340 (5.5)	16.5	25.8	20.3	-51.9	16.6	19.7	3.9	3.4	-3.1	15.9	-	-26.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	35,849 (1.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	4.3	-	-50.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	72,664 (3.2)	11.0	55.0	-	-88.5	7.7	-	-	-	-0.2	-0.8	-9.6	-2.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	147,987 (6.4)	10.8	19.3	15.7	-57.0	12.5	13.2	2.2	2.0	1.4	4.3	-3.6	6.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	113,450 (4.9)	38.4	6.8	27.2	65.7	14.8	3.6	1.0	1.0	0.0	11.2	-	-55.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	54,362 (2.4)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-2.1	-2.1	17.5	-65.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	320,302 (13.9)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.3	6.6	-	-48.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	39,734 (1.7)	3.6	12.1	7.3	-52.4	3.4	5.4	0.4	0.4	-2.8	7.6	-	-57.6
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	94,959 (4.1)	0.0	12.9	10.8	-4.5	14.3	14.7	1.7	1.5	-3.5	12.1	10.3	22.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	66,140 (2.9)	46.1	16.8	15.5	-17.5	20.9	19.6	3.6	3.4	-1.0	8.9	-7.8	7.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	14,713 (0.6)	31.4	10.9	9.1	-10.5	14.9	16.1	1.4	1.3	-0.2	3.8	-3.8	-17.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,262 (0.1)	34.1	18.2	9.9	-5.1	6.7	11.9	-	-	0.0	0.3	-	-26.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	780,090 (33.9)	18.0	5.6	5.5	21.9	31.6	23.4	1.4	1.1	-2.4	1.2	-	-20.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	306,430 (13.3)	36.5	6.4	10.9	-0.5	32.2	15.0	1.7	1.6	-0.9	19.4	-	10.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	171,723 (7.5)	46.5	7.4	10.7	-4.5	30.8	17.6	1.9	1.7	2.1	27.6	-	-9.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	207,609 (9.0)	38.9	3.2	3.9	67.9	27.9	19.9	0.8	0.6	-1.6	6.8	-	-43.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	50,620 (2.2)	97.2	11.6	10.4	17.2	7.0	7.6	0.8	0.8	-1.7	10.2	-	-41.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	60,675 (2.6)	4.6	15.2	11.8	-51.0	13.8	15.9	1.5	1.5	-0.6	2.9	-	-25.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	134,787 (5.9)	39.9	26.0	12.2	-11.9	3.3	5.9	0.7	0.7	3.0	19.9	6.6	-16.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	63,688 (2.8)	35.9	7.8	6.3	2.2	15.7	16.4	1.1	0.9	0.5	10.2	-2.5	-19.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	224,290 (9.7)	0.0	14.6	12.1	14.4	27.6	27.2	3.9	3.3	-2.4	6.3	-	-3.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	71,405 (3.1)	0.0	17.1	13.4	2.4	22.3	22.2	3.0	2.5	-1.4	6.6	-9.1	8.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	4,910 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.1	-3.8	-3.5	-35.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	136,907 (5.9)	30.3	13.7	11.5	-75.2	30.5	28.4	3.9	3.0	2.8	9.7	-	11.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	35,560 (1.5)	34.6	8.4	9.8	41.2	33.5	22.9	2.4	1.8	0.0	9.6	-	-15.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,024 (0.1)	45.4	-	-	10.7	-	-	-	-	-0.5	0.0	-	-19.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	266,223 (11.6)	0.0	20.0	14.2	15.5	26.1	29.1	4.2	-	-1.0	3.5	-	3.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyền
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.